

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH BẢO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2018/HS-ST
Ngày 25-7-2018

**NHÂN DA H
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Thu Hương

Bà Triệu Thị Mới

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Viết Hoàn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2018/TLST-HS ngày 18 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2018/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 6 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2018/HSST-QĐ ngày 03 tháng 7 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T, sinh ngày 20 tháng 10 năm 1984 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn XB, xã DT, huyện VB, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K và bà Trần Thị D ; có vợ và 02 con; tiền sự, tiền án: Không. Bị tạm giữ từ ngày 02-01-2018 đến ngày 08-01-2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay; có mặt.

2. Lê Văn N, sinh ngày 05 tháng 4 năm 1982 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn XB, xã DT, huyện VB, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Kim B và bà Trịnh Thị T ; có vợ và 02 con; tiền sự, tiền án:

Không. Bị tạm giữ từ ngày 05-12-2017 đến ngày 14-12-2017 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay; có mặt.

3. Phạm Trung A, sinh ngày 02 tháng 7 năm 1974 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn AB, xã DT, huyện VB, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Trung B và bà Hoàng Thị X ; có vợ và 02 con; tiền sự, tiền án: Không. Bị tạm giữ từ ngày 05-12-2017 đến ngày 14-12-2017 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay; có mặt.

4. Tạ Hữu T, sinh ngày 12 tháng 5 năm 1990 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn XB, xã DT, huyện VB, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tạ Hữu P và bà Nguyễn Thị V; có vợ và 01 con; tiền sự, tiền án: Không. Bị tạm giữ từ ngày 05-12-2017 đến ngày 14-12-2017 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay; có mặt.

5. Nguyễn Văn D, sinh ngày 22 tháng 2 năm 1997 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn XC, xã DT, huyện TL, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Hoàng Thị C ; có vợ và 01 con; tiền sự, tiền án: Không. Bị tạm giữ từ ngày 05-12-2017 đến ngày 14-12-2017 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay; có mặt.

6. Nguyễn Văn Th, sinh ngày 19 tháng 5 năm 1982 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn XB, xã DT, huyện VB, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị L ; có vợ và 03 con; tiền sự, tiền án: Không. Bị tạm giữ từ ngày 05-12-2017 đến ngày 14-12-2017 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay; có mặt.

Người làm chứng: Ông Hoàng Văn H; ông Tạ Hữu Đ; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 05 tháng 12 năm 2017, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T, Tạ Hữu T, Phạm Trung A, Lê Văn N, Nguyễn Văn D và Hoàng Văn H ở thôn AB, xã DT, huyện VB đến quán nước ở đầu làng thôn AB, xã DT uống nước. Tại đây T có trả cho H 200.000đ và A có đưa cho T 200.000đ để trả H giúp A , vì A và T nợ tiền H trước đó. Sau đó cả bốn rủ nhau đánh bạc trái phép được thua bằng tiền, riêng

Hoàng Văn H không đồng ý. Lúc này, A bảo với mọi người đến nhà ông Tạ Hữu Đ ở thôn AB, xã DT vì ông Đ thường xuyên không ở nhà, gia đình chỉ có cụ N là bố ông Đ khoảng 97 tuổi bị ốm nằm liệt giường, không biết gì. Khi vào trong thấy có sẵn 04 quân vị hình tròn đường kính khoảng 2cm để dưới gầm ghế, 01 chiếc bát bằng sứ, 01 chiếc đĩa bằng sứ để trên bàn uống nước và 01 chiếc chăn bằng vải được trải sẵn trên nền nhà. T đã lấy làm dụng cụ đánh bạc trái phép dưới hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền. Khi đánh bạc, T là người cầm cái, còn N, A, T, D và Th đều là những người đặt tiền cược với quy ước mỗi ván chơi có hai cửa chắn và lẻ để cho những người chơi lựa chọn đặt tiền cược vào cửa mà mình thích. Cụ thể như sau: T cho 04 quân vị vào trong bộ bát, đĩa xóc lên nhiều lần rồi đặt xuống cho những người chơi đặt tiền vào các cửa chắn, lẻ tùy theo ý của mình với số tiền đặt cược thấp nhất từ 100.000đ trở lên nhưng không giới hạn mức cao nhất. Khi T mở bát ra, nếu có 02 hoặc cả 04 quân vị cùng một màu thì là chắn và người đặt tiền ở cửa này T, còn người đặt tiền ở cửa lẻ thua, nếu có 01 hoặc 03 quân vị khác màu thì là lẻ và người nào đặt tiền ở cửa này T, người đặt tiền ở cửa chắn thua. Nếu người nào T trong ván đó thì được đúng số tiền mà mình đã đặt cược và ngược lại, người nào thua thì mất toàn bộ số tiền mà mình đã đặt. Đến 16 giờ 00 phút cùng ngày, Công an huyện Vĩnh Bảo phát hiện bắt quả tang tại nhà ở của ông Tạ Hữu Đ ở XB, xã DT, huyện VB một số đối tượng đang đánh bạc. Các đối tượng bị bắt giữ gồm: N, A, T, D và Th còn T bỏ chạy. Thu giữ tại chiếu bạc một chiếc bát bằng sứ, một chiếc đĩa bằng sứ, bốn quân vị hình tròn, 01 chiếc chăn bằng vải và số tiền 7.850.000đ. Thu trong người của N 7.500.000đ, của T 5.500.000đ của A 27.100.000đ và của Th 6.620.000đ, đồng thời dẫn giải các đối tượng về trụ sở Công an huyện Vĩnh Bảo để đấu tranh làm rõ. Đến ngày 02-01-2018, Nguyễn Văn T đến Công an huyện Vĩnh Bảo đầu thú khai nhận sự việc.

Căn cứ vào tài liệu điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện VB ra quyết định khởi tố vụ án, quyết định khởi tố bị can đối với Phạm Trung A, Lê Văn N, Tạ Hữu T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn D và Nguyễn Văn Th về tội Đánh bạc quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự (BLHS) năm 1999 để điều tra xử lý.

Tại Bản cáo trạng số 22/CT-VKS ngày 15 tháng 5 năm 2018, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo đã truy tố Phạm Trung A, Lê Văn N, Tạ Hữu T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn D và Nguyễn Văn Th về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 248 BLHS năm 1999.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai nhận về hành vi đánh bạc được thua bằng tiền như đã nêu trên. Cụ thể khi đánh bạc bị cáo T có khoảng 1.000.000đ sử dụng để đánh bạc và đang thắng nhưng không biết cụ thể

là bao nhiêu, toàn bộ số tiền này T để ở dưới chiếu bạc cho đến khi bỏ chạy. Bị cáo N mang theo 9.500.000đ, N lấy ra 2.000.000đ để đánh bạc và bị thua hết số tiền này, còn lại 7.500.000đ Nam để trong túi không sử dụng để đánh bạc. Bị cáo A mang theo 27.800.000đ, A lấy ra 1.800.000đ để đánh bạc và đánh thua 700.000đ còn lại 1.100.000đ A cầm trên tay thì bị thu giữ cùng với số tiền 26.000.000đ vẫn để trong túi không dùng để đánh bạc. Bị cáo T mang theo 7.000.000đ, T lấy ra 1.500.000đ để đánh bạc và bị thua hết số tiền này, còn lại 5.500.000đ, T để trong túi không dùng để đánh bạc. Bị cáo Dũng mang theo 1.000.000đ để đánh bạc và đánh thua hết số tiền này. Bị cáo Th mang theo 7.220.000đ, Th lấy ra 600.000đ để đánh bạc và bị thua hết số tiền này, còn lại 6.620.000đ, Th để trong túi không dùng để đánh bạc. Cơ quan điều tra đã trả lại N 7.500.000đ, A 26.000.000đ, T 5.500.000đ, Th 6.620.000đ.

Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội khẳng định bản Cáo trạng số 22/CT-VKS ngày 15 tháng 5 năm 2018 truy tố Phạm Trung A, Lê Văn N, Tạ Hữu T, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn D và Nguyễn Văn T về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 248 BLHS năm 1999 là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội. Căn cứ tính chất hành vi phạm tội, vai trò, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 7 BLHS năm 2015, Điều 20, Điều 53, điểm h, p khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 248 BLHS năm 1999 đối với các bị cáo. Các bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Văn N áp dụng thêm Điều 60 BLHS năm 1999. Áp dụng thêm Điều 31 BLHS năm 1999 đối với các bị cáo Phạm Trung A, Tạ Hữu T, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn Th. Áp dụng thêm khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Văn N, Tạ Hữu T. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Văn N, Phạm Trung A, Tạ Hữu T, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn Th đồng phạm tội Đánh bạc và xử phạt các bị cáo: T từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, Nam từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, A từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, T và Dũng mỗi bị cáo từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ, Th từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 Điều 248 BLHS năm 1999 phạt mỗi bị cáo từ 03 đến 05 triệu đồng sung quỹ nhà nước. Về các biện pháp tư pháp: Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo A, T, Dũng, Thuận. Về vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 41 BLHS năm 1999 và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Đề nghị sung quỹ nhà nước số tiền các bị cáo đã sử dụng để đánh bạc là 8.950.000đ. Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc bát sứ, 01 đĩa bằng sứ, 01 chiếc chần bằng vải, 04 quân vị.

Tại lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tra h tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Vĩnh Bảo, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo xảy ra ngày 05 tháng 12 năm 2017 trước khi BLHS năm 2015 có hiệu lực pháp luật. Tội phạm quy định tại khoản 1 Điều 248 BLHS năm 1999 có mức hình phạt nhẹ hơn tội phạm quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS năm 2015. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội, Điều 7 BLHS năm 2015 thì áp dụng khoản 1 Điều 248 BLHS năm 1999 để xét xử đối với các bị cáo.

- Về nội dung:

[3] Về tội danh và hình phạt: Xét thấy lời khai nhận tội của các bị cáo Phạm Trung A, Lê Văn N, Tạ Hữu T, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn D và Nguyễn Văn T phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản phạm tội quả tang và vật chứng thu được. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận: Vào chiều ngày 05 tháng 12 năm 2017, tại nhà ở của gia đình ông Tạ Hữu Đ ở thôn A Bò, xã DT, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, các bị cáo Phạm Trung A, Lê Văn N, Tạ Hữu T, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn D và Nguyễn Văn T đã cùng nhau đánh bạc trái phép dưới hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 8.950.000đ, đã đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 248 BLHS năm 1999.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trật tự công cộng, ảnh hưởng xấu đến nếp sống văn minh xã hội chủ nghĩa. Do đó cần phải xử phạt nghiêm đối với các bị cáo mới có tác dụng giáo dục cũng như phòng ngừa chung.

[5] Xét về vai trò của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định: Mặc dù vụ án có nhiều đồng phạm nhưng không có sự bàn bạc, phân công, cấu kết chặt chẽ giữa các đồng phạm nên đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên, cần phải thấy rằng Nguyễn Văn T là người giữ vai trò tích cực nhất, là người cầm cái, bị cáo Lê Văn N sử dụng số tiền đánh bạc lớn nhất, sau đến Phạm Trung A, Tạ Hữu T, Nguyễn

Văn D, Nguyễn Văn Th. Do đó các bị cáo T, N phải chịu hình phạt cao hơn các bị cáo A, T, D, Th.

[6] Xét về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Văn N, Phạm Trung A, Tạ Hữu T, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn Th đều không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo khai báo thành khẩn, đây là các tình tiết giảm nhẹ các bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 (Nay là điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015). Bị cáo T sau khi phạm tội đã ra đầu thú, ngoài ra còn có bố tham gia kháng chiến và là thương binh. Bị cáo N, T có thời gian tham gia quân đội nhân dân. Bị cáo T có bố được tặng thưởng Huân chương kháng chiến. Đây là tình tiết giảm nhẹ mà các bị cáo T, N, T được hưởng theo quy định khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999. Căn cứ tính chất hành vi phạm tội, vai trò, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo. Xét thấy các bị cáo đều có thân nhân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy để đảm bảo mục đích của hình phạt là răn đe, phòng ngừa tội phạm, đồng thời tạo điều kiện để giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, cần áp dụng Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Văn N, áp dụng Điều 31 Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với các bị cáo Phạm Trung A, Tạ Hữu T, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn Th, cho các bị cáo cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 248 BLHS năm 1999 phạt mỗi bị cáo 3.000.000đ (Ba triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

[8] Về việc khấu trừ thu nhập: Theo quy định tại khoản 3 Điều 31 BLHS năm 1999 các bị cáo A, T, D, Th phải bị khấu trừ một thu nhập từ 5% đến 20% để sung quỹ nhà nước. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo này đều phạm tội lần đầu, thu nhập thấp nên miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo A, T, D, Th.

[9] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 chiếc bát bằng sứ, 01 chiếc đĩa bằng sứ, 01 chiếc chần bằng vải, 04 quân vị và số tiền 8.950.000đ. Xét thấy công cụ các bị cáo sử dụng để đánh bạc, không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Số tiền 8.950.000đ các bị cáo đã sử dụng vào việc đánh bạc nên căn cứ khoản 1 Điều 41 BLHS năm 1999 cần tịch thu sung vào ngân sách nước.

[10] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 6, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí

và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc các bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Văn N, Phạm Trung A, Tạ Hữu T, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn Th mỗi người phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Văn N, Phạm Trung A, Tạ Hữu T, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn Th đồng phạm tội Đánh bạc.

2. Về hình phạt:

2.1 Căn cứ Điều 7 BLHS năm 2015, khoản 1, khoản 3 Điều 248, Điều 20, Điều 53, Điều 60, điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 đối với Nguyễn Văn T, Lê Văn N, xử phạt:

- Nguyễn Văn T 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách án treo là 18 (Mười tám) tháng. Thời hạn thử thách án treo tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Lê Văn N 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách án treo là 12 (Mười hai) tháng. Thời hạn thử thách án treo tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn N cho UBND xã DT, huyện VB, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục.

Trong trường hợp người bị kết án tù nhưng cho hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì việc chấp hành hình phạt tù cho hưởng án treo được thực hiện theo quy định tại Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.2 Căn cứ Điều 7 BLHS năm 2015, khoản 1, khoản 3 Điều 248, Điều 31, Điều 53, Điều 20, điểm h, p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 đối với Phạm Trung A, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn Th, đối với Tạ Hữu T áp dụng thêm khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999, xử phạt:

- Phạm Trung A 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, trừ cho A 09 ngày bị tạm giữ bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ. A còn phải chấp hành 17 (Mười bảy) tháng 03 (Ba) ngày cải tạo không giam giữ.

- Tạ Hữu T 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, trừ cho T 09 ngày bị tạm giữ bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ. T còn phải chấp hành 14 (Mười bốn) tháng 03 (Ba) ngày cải tạo không giam giữ.

- Nguyễn Văn D 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, trừ cho D 09 ngày bị tạm giữ bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ. D 09 còn phải chấp hành 11 (Mười một) tháng 03 (Ba) ngày cải tạo không giam giữ.

- Nguyễn Văn Th 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ, trừ cho Th 09 ngày bị tạm giữ bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ. Th còn phải chấp hành 08 (Tám) tháng 03 (Ba) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan , tổ chức được giao giám sát, giáo dục các bị cáo nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án.

Giao Phạm Trung A, Tạ Hữu T, Nguyễn Văn Th cho UBND xã DT, huyện VB, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục.

Giao Nguyễn Văn D cho UBND xã DT, huyện TL, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục.

2.3 Hình phạt bổ sung: Phạt các bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Văn N, Phạm Trung A, Tạ Hữu T, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn Th mỗi bị cáo 3.000.000đ (Ba triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

3. Về vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 106 của BLTTHS năm 2015, khoản 1 Điều 41 BLHS năm 1999: Xử tịch thu tiêu hủy 01 chiếc bát sứ, 01 chiếc đĩa sứ, 04 quân vị và 01 chiếc chăn bằng vải. Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 23-5-2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 8.950.000đ (Tám triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng) đã được chuyển vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 6, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử buộc các bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Văn N, Phạm Trung A, Tạ Hữu T, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn T mỗi người phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu

cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TA ND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện VB;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng
- Công An thành phố Hải Phòng (PV27, PC 81);
- Cơ quan CSĐT Công an huyện VB;
- Chi cục THADS huyện VB;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thương Huyền